

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIM BẮNG
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2019/HNGĐ-ST

Ngày 19/9/2019

V/v tranh chấp: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM BẮNG, TỈNH HÀ NAM

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Bùi Thị Nguyệt.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đinh Tuấn Anh.

2. Bà Phạm Thị Hồng Hạnh.

Thư ký phiên toà: Ông Trần Quang Tất - Thư ký Toà án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam tham gia phiên toà: Bà Đinh Thị An - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 69/2019/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2019 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 14/8/2019; thông báo mở lại phiên tòa số 01/TB-TA ngày 04/9/2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Thôn M, xã N, huyện K, tỉnh Hà Nam. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Phạm Trung K, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Thôn M, xã Ng, huyện K, tỉnh Hà Nam. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn ly hôn đề ngày 19 tháng 4 năm 2019 và lời khai tại Tòa án, chị Nguyễn Thị T là nguyên đơn trình bày: Chị và anh Phạm Trung K kết hôn tự nguyện, được tự do tìm hiểu và có đăng ký ngày 11/12/2012 tại UBND xã N, huyện K, tỉnh Hà Nam. Sau ngày cưới vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến tháng 8 năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh

K có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, bỏ bê công việc gia đình, không quan tâm đến vợ con, chị và gia đình đã khuyên bảo, cho cơ hội để anh K sửa chữa sai lầm nhưng anh K vẫn không thay đổi. Vợ chồng sống ly thân và chấm dứt quan hệ vợ chồng từ tháng 12/2018 cho đến nay mặc dù vợ chồng vẫn sống chung một nhà nhưng không ai quan tâm đến tình cảm, cuộc sống của nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh Phạm Trung K.

Anh Phạm Trung K là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt, Tòa án phối hợp cùng chính quyền địa phương đến trực tiếp nhà anh K để làm việc với anh K nhưng anh K từ chối không làm việc với Tòa án.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Trung K có hai con chung là cháu Phạm Khánh C, sinh ngày 24/7/2013 và cháu Phạm Duy A, sinh ngày 16/11/2016. Khi ly hôn chị T xin được nuôi cả hai cháu và không yêu cầu anh K cấp dưỡng cho con.

Về con riêng: Không có.

Về tài sản chung; công nợ: Không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về tài sản riêng; công sức đóng góp; diện tích đất nông nghiệp: Không có.

Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu, không sửa đổi, bổ sung, thay đổi gì. Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 147 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 236/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T. Xử lý hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Trung K; về con chung: Giao cháu Phạm Khánh C, sinh ngày 24/7/2013 và cháu Phạm Duy A, sinh ngày 16/11/2016 cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, lao động tự lập được. Anh Phạm Trung K không phải cấp dưỡng cho con theo sự tự nguyện của chị T. Án phí đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến phát biểu về việc tuân

theo pháp luật trong tố tụng dân sự và quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Theo đơn khởi kiện, chị Nguyễn Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con đối với anh Phạm Trung K là bị đơn; địa chỉ: Thôn M, xã N, huyện K, tỉnh Hà Nam. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. Anh Phạm Trung K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Trung K kết hôn tự nguyện, có đăng ký ngày 11/12/2012 tại UBND xã N, huyện K, tỉnh Hà Nam. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị T, anh K chung sống hòa thuận đến tháng 8 năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Kiên có quan hệ ngoại tình. Vợ chồng sống ly thân và chấm dứt quan hệ vợ chồng từ tháng 12 năm 2018 cho đến nay, không ai quan tâm đến cuộc sống của nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị T xin ly hôn anh K là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56; Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị T và anh K có hai con chung là cháu Phạm Khánh C, sinh ngày 24/7/2013 và cháu Phạm Duy A, sinh ngày 16/11/2016. Khi ly hôn, anh K cố tình vắng mặt, không thể hiện ý kiến của mình về việc nuôi con nên Tòa án căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con, các điều kiện cho sự phát triển về thể chất, tinh thần nuôi dưỡng con chung. Thấy các cháu còn nhỏ, cháu A dưới 36 tháng tuổi và các cháu đang ở với chị T được nuôi dưỡng, chăm sóc tốt, nguyện vọng của chị T cũng xin được nuôi hai con. Do đó Tòa án giao cả hai con chung cho chị T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh K không phải cấp dưỡng cho con theo sự tự nguyện của chị T là phù hợp với quy định tại Điều 58; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân gia đình.

Về con riêng: Không có.

[4] Về tài sản chung; công nợ: Không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản riêng; công sức đóng góp; diện tích đất nông nghiệp: Không có.

[6] Về án phí: Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T nên chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 228; Điều 271; Điều 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Các Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử lý hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Trung K.

2. Về con chung: Giao cháu cháu Phạm Khánh C, sinh ngày 24/7/2013 và cháu Phạm Duy A, sinh ngày 16/11/2016 cho chị Nguyễn Thị T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, lao động tự lập được. Anh Phạm Trung K không phải cấp dưỡng cho con theo sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị T.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Thắng đã nộp 300.000đồng theo biên lai số 0001546 ngày 15 tháng 5 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Bảng. Chị T đã nộp đủ.

3. Quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh Phạm Trung K có quyền kháng cáo bản án trong thời 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam (để b/c);
- VKSND huyện Kim Bảng;
- Chi cục THADS huyện Kim Bảng;
- UBND xã N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Nguyệt

